

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua  
của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng;

Thực hiện Hướng dẫn số 837/BTĐKT-VIII ngày 25/5/2013 của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương về việc chia Cụm, Khối thi đua, đăng ký và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ;



Xét đề nghị của Ban Thi đua – Khen thưởng tại Tờ trình số 194/TTr-BTĐKT ngày 27/3/2015 về việc ban hành Quyết định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh,


## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng) có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh và Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2617/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện từ năm học 2015-2016. 

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT TW;
- Ban TĐKT TW- cơ quan đại diện phía Nam;
- TT.TU, Đoàn ĐBQH;
- TT.HĐND, TT.UBND tỉnh;
- TV. Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Chánh Phó VP+CVNC;
- Sở Nội vụ (Ban TĐ-KT) (10 bộ);
- Lưu: VT, ndmai.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Đặng Tuyết Em**

**QUY ĐỊNH**

**Về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 717/QĐ-UBND, ngày 10/4/2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I**

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA**

**Điều 1. Tổ chức Cụm, Khối thi đua**

1. Việc xem xét, sắp xếp thành các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định. (Đối với các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế phải hội đủ các điều kiện: Có tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

2. Cụm thi có Cụm trưởng, Cụm phó; Khối thi đua có Khối trưởng, Khối phó. Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó do các đơn vị trong cụm, khối lựa chọn, giới thiệu luân phiên trong dịp tổng kết năm. Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó mới, tổ chức điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua ngay sau khi được lựa chọn, giới thiệu.

3. Bộ phận thường trực giúp việc Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó là tổ chức hoặc cá nhân phụ trách thi đua, khen thưởng của cơ quan, địa phương, đơn vị đó.

**Điều 2. Nhiệm vụ của Cụm, Khối thi đua**

**1. Cụm trưởng, Khối trưởng:**

Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các đơn vị thành viên cụm, khối về hoạt động của Cụm, Khối thi đua và có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Xây dựng các tiêu chí thi đua, thang điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Cụm, Khối và theo quy định của UBND tỉnh.

c) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động, phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua. Phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Cụm, Khối thi đua để các thành viên tham gia, giao lưu, trao đổi, học tập về nghiệp vụ, kinh nghiệm. Bàn các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

d) Chủ trì việc chấm điểm thi đua, bình chọn, suy tôn và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét trình UBND tỉnh tặng “Cờ thi đua của UBND

tỉnh” và “Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” cho các đơn vị tiêu biểu đạt thứ hạng trong Cụm, Khối thi đua.

d) Tổ chức sơ kết 6 tháng, tổng kết 1 năm hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

## **2. Cụm phó, Khối phó:**

a) Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động và tổ chức điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết công việc khi Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền.

## **3. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua:**

a) Đăng ký nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ thi đua hàng năm gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trong quý I hàng năm.

b) Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang điểm của Cụm, Khối thi đua. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua; định kỳ báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm; tự chấm điểm thi đua của đơn vị mình theo các nội dung, tiêu chí đã ký kết và gửi báo cáo kết quả cho Cụm trưởng, Khối trưởng theo đúng quy định.

d) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

đ) Phát hiện, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

## **4. Trách nhiệm của bộ phận thường trực giúp việc Cụm trưởng, Khối trưởng:**

a) Dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua; chuẩn bị nội dung và các điều kiện, tham mưu tổ chức các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Phối hợp với tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua để đánh giá tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua; tổ chức trao đổi, thảo luận thống nhất điểm thi đua từng đơn vị thành viên và báo cáo Cụm trưởng, Khối trưởng.

c) Chuẩn bị các nội dung hội nghị sơ kết, tổng kết của Cụm, Khối thi đua và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh giao.

## **Điều 3. Hoạt động của Cụm, Khối thi đua**

1. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm: Do Cụm phó, Khối phó chủ trì.

a) Thành phần:

Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách Cụm, Khối; Đại diện lãnh đạo và chuyên viên theo dõi Cụm, Khối của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Lãnh đạo cơ quan, địa phương, đơn vị là Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó; Đại diện tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua;

b) Nội dung:

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký đầu năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Cụm, Khối thi đua;
- Trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng;
- Giao lưu, gặp gỡ, học tập các điển hình tiên tiến.

c) Thời gian hoàn thành vào tháng 7 hàng năm.

2. Việc tổng kết hoạt động của Cụm, Khối thi đua năm: Do Cụm trưởng, Khối trưởng chủ trì.

a) Thành phần:

Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách Cụm, Khối thi đua; Đại diện lãnh đạo và chuyên viên theo dõi Cụm, Khối của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Đại diện lãnh đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị là thành viên của Cụm, Khối thi đua; Đại diện tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua;

b) Nội dung:

- Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới;
- Phổ biến mô hình mới, cách làm hay. giao lưu, học tập các điển hình tiên tiến;

- Bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”;

- Giới thiệu Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó mới;

- Ký kết giao ước thi đua.

c) Thời gian hoàn thành chậm nhất đến cuối tháng 02 năm sau.

\* **Lưu ý:** Các Cụm, Khối thi đua khi tổ chức sơ, tổng kết hoạt động cần thống nhất với thành viên Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh được phân công phụ trách để tham dự, chỉ đạo.

3. Trong năm, căn cứ tình hình thực tiễn, các Cụm, Khối thi đua tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm hoặc tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung giao ước thi đua đã ký tại đơn vị thành viên để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

## Chương II

### NỘI DUNG TIÊU CHÍ THI ĐUA

**Điều 4. Nội dung thi đua Cụm các huyện, thị xã, thành phố. Tổng điểm chuẩn 1.000 điểm, chia ra như sau:**

**1. Nội dung 1.** Thi đua phát triển kinh tế- xã hội, cải cách hành chính. Tổng điểm chuẩn là 500 điểm:

Số	Đơn vị	Điểm	Kết quả thực hiện	Điểm
----	--------	------	-------------------	------

TT		tính	chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	đạt
1	Tổng thu ngân sách địa phương so KH	%	60				
2	Thực hiện công trình XD/CB hoàn thành	Số CT	50				
3	Giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học và THCS	%	30				
4	Tạo việc làm cho lao động	1.000 người	40				
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo so KH	%	30				
6	Đạt kế hoạch về xây dựng xã nông thôn mới	xã	40				
7	Giảm tỷ lệ sinh (ước cả năm)	%	30				
8	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	30				
9	Tỷ lệ áp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa so kế hoạch	%	30				
10	Vận động Quỹ vì người nghèo so kế hoạch	Triệu	30				
11	Quỹ đền ơn đáp nghĩa: - Vận động so kế hoạch - Cát, sửa nhà tình nghĩa so kế hoạch	Triệu Căn	15 15				
12	Thu bảo hiểm xã hội so kế hoạch	Triệu	20				
13	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế so kế hoạch	%	30				
14	Thực hiện công tác cải cách hành chính (theo xếp hạng của UBND tỉnh)	%	50				

**2. Nội dung 2.** Thi đua thực hiện công tác Quốc phòng- An ninh và an toàn giao thông. Tổng điểm chuẩn là 200 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	- Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước; - Tăng số xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn XH về mại dâm, ma túy so năm trước.	30	30	15	0	
2	Giảm số vụ tai nạn giao thông so năm trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)	30	30	0	0	
3	Giảm số người chết TNGT so năm	30	30	0	0	

	trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)					
4	Giảm số người bị thương TNGT so năm trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)	30	30	0	0	
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Điểm đạt</b>
5	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển quân và so kế hoạch; - Công tác giáo dục KTQP so với kế hoạch; - Huấn luyện quân sự so kế hoạch được giao.	30				
6	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên	30				
7	Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn	20				

**3. Nội dung 3.** Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 120 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		TTHĐ TĐKT tỉnh chấm
			Tự chấm	Cụm chấm	
1	- Có Quy chế công tác thi đua, khen thưởng; - Kien toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng; - Ban hành kịp thời và đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng trong năm (cấp ủy, UBND);	20			
2	- Xây dựng kế hoạch và phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ hàng năm; - Có kế hoạch phát động và phong trào thi đua trọng tâm “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” hàng năm; - Có KH phát động, triển khai phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt phù hợp địa phương.	20			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng (bằng các hình thức biểu dương, tôn vinh, giao lưu, học tập) mô hình mới, nhân tố mới tại đơn vị và trong cụm.	20			

4	- KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BỐ TRÍ ĐỦ BIÊN CHẾ CHUYÊN TRÁCH CÔNG TÁC CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; - TỔ CHỨC TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ CHO CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	20			
5	Có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về công tác thi đua khen thưởng theo qui định; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về UBND tỉnh.	20			
6	Tổ chức kiểm tra từ 20% đơn vị thuộc và trực thuộc về công tác TĐKT.	20			

**4. Nội dung 4.** Thi đua xây dựng Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Tổng điểm chuẩn là 130 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh so Nghị quyết cấp ủy	20						
2	Kết quả phát triển đảng viên mới so nghị quyết	20	Tính điểm theo mức độ đạt được					
		Điểm chuẩn	VMXS (XS)	VM	Khá	TB	Yếu	Điểm đạt
3	Kết quả phân loại MTTQ	15	15	13	10	5	0	
4	Kết quả phân loại Hội LHPN	15	15	13	10	5	0	
5	Kết quả phân loại Công đoàn	15	15	13	10	5	0	
6	Kết quả phân loại Đoàn TN	15		15	10	5	0	
7	Kết quả phân loại Hội Nông dân	15		15	10	5	0	
8	Kết quả phân loại Hội CCB	15		15	10	5	0	

**Điều 5. Nội dung thi đua của cụm xã, phường, thị trấn. Tổng điểm chuẩn là 1.000 điểm**

“**Nội dung 1.** Thi đua thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế- xã hội, cải cách hành chính. Tổng điểm chuẩn là 500 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thu ngân sách so kế hoạch được giao	Tỷ đồng	60				
2	Chi ngân sách (không quá 100% KH), nếu chi vượt có được cấp trên chấp thuận bổ sung thì vẫn xem là chi trong kế hoạch	Tỷ đồng	50				



3	Hoàn thành công trình nâng cấp hẻm (phường, thị trấn) hoặc giao thông nông thôn (xã) so KH	Số công trình	50				
4	Giảm số trẻ em bậc tiểu học, THCS trên địa bàn bỏ học so kế hoạch	Trẻ em	30				
5	Xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa so kế hoạch	Số công trình	30				
6	Giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo so kế hoạch	%	40				
7	Hoàn thành tiêu chí nông thôn mới so KH (đối với xã) và tiêu chí đô thị văn minh (đối với phường, thị trấn)	%	40				
8	Tạo việc làm mới cho lao động so kế hoạch	Người	30				
9	Tỷ lệ ấp, khu phố đạt chuẩn VH so KH	%	30				
10	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn VH so KH	%	30				
11	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng so KH	%	30				
12	Vận động Quỹ vì người nghèo so KH	Triệu	30				
13	Thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm (theo xếp hạng của UBND cấp huyện)	%	50				

**2. Nội dung 2.** Thi đua thực hiện công tác quốc phòng, an ninh và an toàn giao thông. Tổng điểm chuẩn là 150 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước	25	25	15	0	
2	Giảm số vụ tai nạn giao thông so năm trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)	25	25	0	0	
3	Giảm số người chết TNGT so năm trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)	25	25	0	0	
4	Giảm số người bị thương TNGT so năm trước (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn)	25	25	0	0	
		<b>Điểm</b>	<b>Kế</b>	<b>Thực</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Điểm</b>

		chuẩn	hoạch	hiện		đạt
5	- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên; - Tỷ lệ hòa giải thành so kế hoạch.	20				
6	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển quân và so kế hoạch; - Công tác giáo dục KTQP so với kế hoạch; - Huấn luyện quân sự so kế hoạch được giao.	30				

**3. Nội dung 3.** Thi đua thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 140 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		Ghi chú
			Tự chấm	Cụm chấm	
1	- Có Quy chế công tác thi đua, khen thưởng; - Ban hành kịp thời và đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng trong năm (cấp ủy, UBND); - Kiện toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng; - Có phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác thi đua khen thưởng	40			
2	Có xây dựng kế hoạch và tổ chức phát động thi đua thực hiện nhiệm vụ hàng năm, thi đua chuyên đề hoặc theo đợt.	30			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng (bằng các hình thức biểu dương, tôn vinh, giao lưu, học tập) mô hình mới, nhân tố mới tại đơn vị và trong cụm.	40			
4	Có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về công tác thi đua, khen thưởng theo qui định; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ.	30			

**4. Nội dung 4.** Thi đua xây dựng đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Tổng điểm chuẩn là 160 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			VMTB	TSVM	HTTNV	HTNV	KHT NV	
1	Kết quả phân loại đảng bộ cấp xã	20	20	15	10	5	0	
2	Kết quả phát triển đảng viên mới so với nghị quyết	20	Tính điểm theo mức độ đạt được					
		Điểm chuẩn	VMXS (XS)	VM	Khá	TB	Yếu	Điểm đạt

4	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí			
5	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội			

**2. Nội dung 2.** Thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; Tổng điểm chuẩn là 230 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			VMTB	TSVM	HTTNV	HTNV	KHT NV	
1	Kết quả phân loại cơ sở đảng	100	100	80	60	40	0	
		Điểm chuẩn	VMXS	VM	Khá	TB	Yếu	Điểm đạt
2	Phân loại Công đoàn	30	30	25	20	15	0	
3	Phân loại Đoàn thanh niên	30		30	25	15	0	
		Điểm chuẩn	Đạt			Không		
4	Đơn vị đạt chuẩn văn hóa	30	30			0		
5	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (đầy đủ, kịp thời)	40	Tính điểm theo mức độ đạt được					

**3. Nội dung 3.** Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 220 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		TTH Đ ĐTK T tỉnh chấm
			Tự chấm	Khối chấm	
1	- Có Quy chế công tác Thi đua- Khen thưởng; - Kiện toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng - Có bố trí công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng và được tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng	50			
2	Có kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ hằng năm; - Có kế hoạch và phát động thi đua theo chuyên đề, theo đợt.	60			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi				

3	Kết quả phân loại MTTQ	20		20	15	5	0	
4	Kết quả phân loại Hội LHPN	20	20		10	5	0	
5	Kết quả phân loại Công đoàn	20	20	15	10	5	0	
6	Kết quả phân loại Đoàn TN	20		20	10	5	0	
7	Kết quả phân loại Hội ND	20		20	10	5	0	
8	Kết quả phân loại Hội CCB	20		20	10	5	0	

\* **Ghi chú:** Những nơi không có Hội Nông dân thì lấy điểm đó chia đều cho điểm ở cột tương ứng với điểm đạt của Đoàn TN và Hội Cựu Chiến binh.

**Điều 6. Nội dung thi đua Khởi sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, hội quần chúng, lực lượng vũ trang. Tổng điểm chuẩn là 1000 điểm**

**1. Nội dung 1.** Thi đua hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Tổng điểm chuẩn là 500 điểm

a) Sở, ngành thuộc UBND tỉnh:

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ (chỉ tiêu định lượng)			
2	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách theo phân công của UBND tỉnh giao hàng năm (hoặc triển khai tham mưu, cụ thể hóa chủ trương, chính sách, pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của ngành mình)			
3	Thực hiện công tác Cải cách hành chính (kết quả xếp hạng cải cách hành chính của UBND tỉnh)			
4	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí			
5	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội			

b) Đối với các ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp tỉnh:

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị (chỉ tiêu định lượng).			
2	Tham mưu xây dựng chủ trương, chính sách, tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.			
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính			

4	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí			
5	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội			

**2. Nội dung 2.** Thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; Tổng điểm chuẩn là 230 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			VMTB	TSVM	HTTNV	HTNV	KHT NV	
1	Kết quả phân loại cơ sở đảng	100	100	80	60	40	0	
		Điểm chuẩn	VMXS	VM	Khá	TB	Yếu	Điểm đạt
2	Phân loại Công đoàn	30	30	25	20	15	0	
3	Phân loại Đoàn thanh niên	30		30	25	15	0	
		Điểm chuẩn	Đạt			Không		
4	Đơn vị đạt chuẩn văn hóa	30	30			0		
5	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (đầy đủ, kịp thời)	40	Tính điểm theo mức độ đạt được					

**3. Nội dung 3.** Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 220 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		TTH Đ TĐK T tính chấm
			Tự chấm	Khối chấm	
1	- Có Quy chế công tác Thi đua- Khen thưởng; - Kien toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng - Có bố trí công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng và được tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua khen thưởng	50			
2	Có kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ hằng năm; - Có kế hoạch và phát động thi đua theo chuyên đề, theo đợt.	60			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi				

	dưỡng, tổng kết, nhân rộng (bằng nhiều hình thức như hội nghị biểu dương, giao lưu, học tập...) nhân tố mới, mô hình mới tại đơn vị và trong khối thi đua	60			
4	- Có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về công tác thi đua khen thưởng theo qui định; - Chấp hành đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo với UBND tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng Sở Nội vụ)	50			

**Điều 7. Nội dung thi đua của Khối doanh nghiệp, khối Ngân hàng và khối Quỹ tín dụng nhân dân. Tổng điểm chuẩn là 1000 điểm**

**1. Nội dung 1.** Thi đua hoàn thành tốt chỉ tiêu, nhiệm vụ. Tổng điểm chuẩn là 500 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng so cùng kỳ năm trước	70				
2	Doanh thu so kế hoạch	70				
3	Lợi nhuận sau thuế so kế hoạch	70				
4	Nộp thuế so với chỉ tiêu	60				
5	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động (BHXH, BHYT, BHTN...)	60				
6	Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	60				
7	Thực hiện công tác xã hội	50				
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tăng</b>	<b>Bằng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Điểm đạt</b>
8	Thu nhập bình quân CBCNV, người lao động	60	60	50	0	

**2. Nội dung 2.** Thi đua xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Tổng điểm chuẩn là 230 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			VMTB	TSVM	HTNV	HTNV	KHT NV	
1	Kết quả phân loại cơ sở đảng	80	80	70	60	40	0	
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>VMXS</b>	<b>VM</b>	<b>Khá</b>	<b>TB</b>	<b>Yếu</b>	<b>Điểm đạt</b>
2	Phân loại Công đoàn	40	40	35	30	20	0	
3	Phân loại Đoàn thanh niên	40		40	30	20	0	
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Đạt</b>			<b>Không</b>		<b>Điểm đạt</b>
4	Đơn vị đạt chuẩn văn hóa	30	30			0		

5	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (đầy đủ, kịp thời)	40	Tính điểm theo mức độ đạt được	
---	---	----	--------------------------------	--

**3. Nội dung 3.** Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 220 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		TTH Đ ĐTK T tỉnh chấm
			Tự chấm	Khối chấm	
1	- Có Quy chế công tác Thi đua- Khen thưởng; - Kiện toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng - Có bố trí công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng và được tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng	50			
2	Có kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ hàng năm; - Có kế hoạch và phát động thi đua theo chuyên đề, theo đợt.	60			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng (bằng nhiều hình thức như hội nghị biểu dương, giao lưu, học tập...) nhân tố mới, mô hình mới tại đơn vị và trong khối thi đua	60			
4	- Có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về công tác thi đua, khen thưởng theo qui định; - Chấp hành đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo với UBND tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng Sở Nội vụ)	50			

**Điều 8. Nội dung thi đua của khối ngành Giáo dục và Đào tạo (Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện quản lý), tổng điểm chuẩn 1000, cụ thể như sau:**

**1. Nội dung 1.** Thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Tổng điểm chuẩn là 500 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt

1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị (chỉ tiêu định lượng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục, phòng Giáo dục)			
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính			
3	Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí			
4	Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn giao thông			
5	Tham gia công tác xã hội, bảo vệ môi trường			

**2. Nội dung 2.** Thi đua xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Tổng điểm chuẩn là 230 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			VMTB	TSVM	HTTNV	HTNV	KHT NV	
1	Kết quả phân loại cơ sở đảng	60	60	50	40	30	0	
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>VMXS</b>	<b>VM</b>	<b>Khá</b>	<b>TB</b>	<b>Yếu</b>	<b>Điểm đạt</b>
2	Phân loại Công đoàn	40	40	35	30	20	0	
3	Phân loại Đoàn thanh niên	40		40	30	20	0	
			<b>Đạt</b>			<b>Không</b>		
4	Đơn vị đạt chuẩn văn hóa	40	40			0		
5	Triển khai quán triệt các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, giáo viên và học sinh (đầy đủ, kịp thời)	50	Tính điểm theo mức độ đạt được					

**3. Nội dung 3.** Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Tổng điểm chuẩn là 220 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện		Điểm đạt
			Tự chấm	Khối chấm	
1	- Có Quy chế công tác Thi đua- Khen thưởng; - Kiện toàn và có Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng - Có bố trí viên chức kiêm làm công tác thi đua, khen thưởng và được tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng	50			
2	Có kế hoạch phát động phong trào thi đua thực				



	hiện nhiệm vụ hàng năm; - Có kế hoạch và phát động hưởng ứng thi đua theo chuyên đề, theo đợt của cấp trên.	60			
3	Có kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng (bằng nhiều hình thức như hội nghị biểu dương, giao lưu, học tập...) nhân tố mới, mô hình mới tại đơn vị và trong khối thi đua	60			
4	- Có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về công tác thi đua khen thưởng theo qui định; - Chấp hành đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo với cơ quan cấp trên	50			

### **Chương III QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 9. Hình thức khen thưởng**

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các đơn vị đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng và là đơn vị dẫn đầu (hạng nhất) Cụm, Khối thi đua.
2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị đạt nhì, ba Cụm, Khối thi đua.

#### **Điều 10. Số lượng khen thưởng**

1. Cụm, Khối thi đua có 3 đơn vị: Chọn 01 nhất tặng Cờ.
2. Cụm, Khối thi đua có 4 đến 5 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 01 nhì (tặng bằng khen).
3. Cụm, Khối thi đua có từ 6 đến 9 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 01 nhì và 01 ba (tặng bằng khen).
4. Cụm, Khối thi đua có từ 10 đến 14 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 01 nhì và 02 ba (tặng bằng khen).
5. Cụm, Khối thi đua có từ 15 đơn vị trở lên: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 02 nhì và 03 ba (tặng bằng khen).

#### **Điều 11. Mức tiền thưởng**

1. Đơn vị dẫn đầu (hạng nhất) được thưởng tiền bằng 18 lần mức lương cơ sở;
2. Đơn vị hạng nhì được thưởng tiền bằng 14 lần mức lương cơ sở;
3. Đơn vị hạng ba được thưởng tiền bằng 10 lần mức lương cơ sở.

#### **Điều 12. Các trường hợp không xét khen thưởng**

1. Không đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng không theo đúng quy định.
3. Đơn vị có các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, có sai phạm nghiêm trọng trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận.

## **Chương IV**

### **PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM, BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ**

#### **Điều 13. Nguyên tắc và phương pháp chấm điểm**

Tổng số điểm chấm thi đua là 1.000 điểm; trong đó, điểm thực hiện các nội dung là 950 điểm và điểm thưởng là 50 điểm.

##### **1. Nguyên tắc chấm điểm**

a) Đối với các tiêu chí định lượng (chủ yếu ở nội dung 1) các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này: Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao hàng năm hoặc nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị.

b) Đối với các tiêu chí định tính: Trên cơ sở đăng ký giao ước thi đua, thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được Cụm, Khối thi đua thống nhất và ký kết thực hiện trong năm, các đơn vị trong Cụm, Khối tự chấm điểm.

##### **2. Căn cứ để chấm điểm**

a) Căn cứ vào số liệu lấy từ các nguồn chỉ tiêu kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền giao, công nhận;

b) Căn cứ vào số liệu của cơ quan thống kê;

c) Căn cứ vào thang điểm và phương pháp chấm điểm của Quy định này.

##### **3. Cách tính điểm**

a) Điểm của từng thành viên trong Cụm, Khối thi đua là điểm do cơ quan địa phương, đơn vị chấm theo thang bảng điểm mà Cụm, Khối thi đua của mình đã quy định và được Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát, trao đổi, thống nhất với các đơn vị thành viên.

Đối với điểm của nội dung 3 của các cơ quan, địa phương, đơn vị quy định ở các Điều 4, Điều 6 và Điều 7 Quy định này là điểm trung bình của: Điểm do cơ quan, địa phương, đơn vị chấm (sau khi được Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát, trao đổi, thống nhất với các đơn vị thành viên) và điểm do Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh chấm (Ban TĐKT theo dõi qua kết quả mà các cơ quan, địa phương, đơn vị báo cáo để tổng hợp chấm điểm gửi trước khi các Cụm, Khối thi đua họp tổng kết, bình xét thi đua).

b) Đối với các tiêu chí định lượng: Thực hiện đạt bao nhiêu % kế hoạch thì đạt số % điểm tương ứng với điểm chuẩn của tiêu chí thi đua đó (từng Cụm, Khối thi đua sẽ thống nhất quy định thang điểm cụ thể, tỷ lệ điểm và điểm thưởng nếu vượt chỉ tiêu). Đối với các tiêu chí định tính: Các cơ quan, địa phương, đơn vị trong Cụm, Khối thi đua tự chấm điểm trên cơ sở các căn cứ bằng văn bản do các cơ quan, địa phương, đơn vị chuẩn bị, cung cấp.

c) Điểm thưởng quy định như sau:

- Thường cho các tiêu chí thi đua thuộc nội dung 1 được quy định tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này, cứ vượt 01% kế hoạch thì được thưởng 01% điểm chuẩn của tiêu chí đó, nhưng không vượt quá 10% điểm chuẩn. Tổng số điểm thưởng các tiêu chí thi đua trong nội dung 1 không quá 20 điểm.

- Thưởng 15 điểm cho các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức các phong trào thi đua (phải có tài liệu chứng minh và được thành viên trong Cụm, Khối thi đua công nhận).

- Thưởng 15 điểm cho các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua làm tốt công tác tuyên truyền về thi đua, khen thưởng; phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến (phải có tài liệu chứng minh và được thành viên trong Cụm, Khối thi đua công nhận).

d) Điểm trừ (trừ điểm của các tiêu chí ở nội dung 3):

- Trừ 15 điểm đối với cơ quan, địa phương, đơn vị chưa ban hành quy chế công tác thi đua, khen thưởng; chưa triển khai thực hiện đúng quy định về bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng; triển khai công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân điển hình tiên tiến đạt hiệu quả chưa cao.

- Trừ 01 điểm mỗi hồ sơ phải trả lại (trừ tối đa 20 điểm) đối với các hình thức khen thưởng cấp tỉnh do không thực hiện đúng quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trừ 15 điểm đối với những cơ quan, địa phương, đơn vị đảm nhiệm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó mà năm đó chưa ban hành được Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

đ) Thường trực Cụm, Khối thi đua tổng hợp, rà soát, đối chiếu số liệu, căn cứ tính điểm để lập bảng tổng hợp kết quả chấm điểm chung để làm cơ sở xếp hạng.

#### **Điều 14. Bình xét thi đua**

1. Bình xét thi đua đối với Cờ thi đua và Bằng khen của UBND tỉnh.

a) Trên cơ sở nội dung báo cáo tổng kết thực hiện phong trào thi đua, bảng tự chấm điểm của các đơn vị trong Cụm, Khối đã được Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát, trao đổi, thống nhất với các đơn vị thành viên; điểm do Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh (Ban Thi đua- Khen thưởng phối hợp các cơ quan liên quan) chấm (các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua quy định tại Điều 4, Điều 6 và Điều 7 Quy định này);

b) Các thành viên trong Cụm, Khối thi đua xem xét thống nhất với kết quả điểm tổng hợp do Trưởng và Phó Cụm, Khối thực hiện. Kết quả xếp hạng từ số điểm cao đến số điểm thấp. Đơn vị có số điểm đạt cao nhất là đơn vị đạt nhất Cụm, Khối, nếu đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng sẽ được tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh, các đơn vị có số điểm đạt kế tiếp là đơn vị đạt nhì, ba Cụm, Khối thi đua.

c) Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau:

- Khi có từ 02 đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau;

- Khi các đơn vị trong cụm, khối không thống nhất kết quả xếp hạng hoặc không bình xét được đơn vị dẫn đầu.

d) Căn cứ kết quả bình xét của các Cụm, Khối thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan, tổng hợp báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét cho ý kiến trước khi Ban Thi đua - Khen thưởng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Bình xét thi đua đối với Cờ thi đua của Chính phủ

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn 20% (theo lĩnh vực) những đơn vị đạt Cờ thi đua của UBND tỉnh và đạt các tiêu chuẩn qui định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh các trường hợp đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

### **Điều 15. Hồ sơ và thời gian trình khen thưởng**

1. Hồ sơ thủ tục

a) Báo cáo kết quả thi đua của đơn vị;

b) Bảng tổng hợp kết quả thi đua của Cụm trưởng, Khối trưởng;

c) Biên bản họp xét thi đua của Cụm, Khối thi đua;

d) Tờ trình của Cụm trưởng, Khối trưởng;

đ) Đối với Cụm thi đua cấp xã, Khối thi đua các trường do UBND cấp huyện quản lý phải có ý kiến vào tờ trình của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Huyện; đối với khối thi đua của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế phải có ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng 2 Sở trên;

e) Hồ sơ trình khen thưởng gồm 02 bộ bản chính nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nội vụ.

2. Thời gian trình khen

Trong thời gian tháng 12 của năm đến 15/02 năm sau; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trong thời gian từ 15/6 đến 15/8 hàng năm.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Trách nhiệm thi hành**

1. Căn cứ vào Quy định này Cụm trưởng, Khối trưởng có trách nhiệm xây dựng tiêu chí thi đua cụ thể, phù hợp, thảo luận và thống nhất với các thành viên của Cụm, Khối mình (có thể bổ sung thêm tiêu chí nhưng không vượt quá 30% số tiêu chí đã quy định trong từng nội dung nhưng tổng điểm của từng nội dung đã quy định không thay đổi); tổ chức ký kết giao ước thi đua và đăng ký thi đua gửi về Cụm, Khối và Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Sở Nội vụ) theo thời gian quy định; tổ chức thực hiện các nội dung giao ước thi đua đã ký kết.

2. Giao Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thực hiện Cùm thi đũa cấp xã trực thuộc và Khôi thi đũa các trường thuộc quyền quản lý theo Quy định này.

3. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang tổ chức hướng dẫn thực hiện khôi thi đũa của các đơn vị trực thuộc sở quản lý và Liên minh Hợp tác xã phụ trách theo Quy định này.

4. Giao Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, hoạt động của Cùm, Khôi thi đũa và hướng dẫn của Trung ương để hướng dẫn nội dung các tiêu chí thi đũa cho phù hợp. *Nez*

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Đặng Tuyết Em*

**Đặng Tuyết Em**

# **DANH SÁCH CỤM, KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 717/QĐ-UBND, ngày 10/4/2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

## **I. KHỐI 1 (Các cơ quan nội chính)**

**Có 06 đơn vị**

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2. Bộ đội Biên phòng tỉnh
3. Công an tỉnh
4. Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh
5. Tòa án Nhân dân tỉnh
6. Thanh tra tỉnh

## **II. KHỐI 2 (Các cơ quan tham mưu tổng hợp)**

**Có 06 đơn vị**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Nội vụ
3. Sở Tư pháp
4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Sở Ngoại vụ
6. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân

## **III. KHỐI 3 (Các sở, ngành quản lý nhà nước và tham mưu về kinh tế, kỹ thuật)**

**Có 07 đơn vị:**

1. Sở Xây dựng
2. Sở Giao thông vận tải
3. Sở Công Thương
4. Sở Tài nguyên và Môi trường
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6. Sở Thông tin và Truyền thông
7. Sở Tài chính

## **IV. KHỐI 4 (Các sở, ngành quản lý, tham mưu về văn hóa- xã hội)**

**Có 06 đơn vị:**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2. Sở Y tế
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
4. Sở Khoa học và Công nghệ
5. Sở Giáo dục và Đào tạo
6. Ban Dân tộc tỉnh.

## **V. KHỐI 5 (Các ban Đảng Tỉnh ủy)**

**Có 06 đơn vị:**

1. Văn phòng Tỉnh ủy
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy
4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
5. Ban Dân vận Tỉnh ủy
6. Ban Nội chính Tỉnh ủy

**VI. KHỐI 6 (Đảng ủy khối và các cơ quan thuộc Tỉnh ủy)**

**Có 04 đơn vị**

1. Trường Chính trị
2. Báo Kiên Giang
3. Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
4. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp

**VII. KHỐI 7 (Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội)**

**Có 07 đơn vị**

1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh
2. Hội Nông dân tỉnh
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
4. Tỉnh Đoàn Kiên Giang
5. Liên đoàn Lao động tỉnh
6. Hội Cựu chiến binh tỉnh;
7. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị

**VIII. Khối các tổ chức XH, tổ chức XH- Nghề nghiệp**

**\* Khối 8, có 7 đơn vị**

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh
2. Hội Chữ thập đỏ tỉnh
3. Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh
4. Hội Luật gia tỉnh
5. Hội Nhà báo tỉnh
6. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh
7. Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật.

**\* Khối 9, có 8 đơn vị**

1. Hội Đông y tỉnh
2. Hội Làm vườn tỉnh
3. Hội Người cao tuổi tỉnh
4. Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh
5. Hội đồng Đội tỉnh
6. Hội Khuyến học tỉnh
7. Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh
8. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang
9. Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh

**IX. KHỐI 10 (Các trường chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học)**

**Có 06 đơn vị:**

1. Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh;
2. Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật tỉnh;

3. Trường Cao đẳng Y tế tỉnh
4. Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh
5. Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang;
6. Trường Đại học Kiên Giang

#### **X. KHỐI 11 (Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh)**

##### **Có 6 đơn vị:**

1. Ban Quản lý Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc
2. Vườn Quốc gia U Minh Thượng
3. Vườn Quốc gia Phú Quốc
4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang
5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang
6. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang

#### **XI. KHỐI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

##### **\* Khối 12 (doanh nghiệp NN thuộc UBND tỉnh)**

##### **Có 5 đơn vị:**

1. Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang
2. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết
3. Công ty TNHH MTV Nông – Lâm nghiệp Kiên Giang
4. Công ty TNHH MTV Phương Nam
5. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang

##### **\* Khối 13 (doanh nghiệp NN thuộc hệ thống dọc trên địa bàn tỉnh)**

##### **Có 06 đơn vị:**

1. Công ty Viễn thông Kiên Giang
2. Bưu điện Kiên Giang
3. Điện lực Kiên Giang
4. Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang
5. Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nhà Kiên Giang

#### **XII. KHỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

##### **\* Khối 14, có 5 đơn vị:**

1. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Kiên Giang
2. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
3. Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh tỉnh Kiên Giang
4. Ngân hàng Nông nghiệp- PTNT Chi nhánh tỉnh Kiên Giang
5. Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh tỉnh Kiên Giang

##### **\* Khối 15, có 06 đơn vị:**

1. Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh Phú Quốc
2. Ngân hàng Phát triển Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
3. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Kiên Giang
4. Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL Chi nhánh tỉnh Kiên Giang
5. Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL Chi nhánh Phú Quốc
6. Quỹ Đầu tư - Phát triển Kiên Giang



### **XIII. KHỐI DOANH NGHIỆP THUỘC CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ**

#### **\* Khối 16, có 09 đơn vị:**

1. Công ty CP Bao bì Kiên Giang
2. Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Kiên Giang;
3. Công ty Bảo Việt Kiên Giang
4. Công ty Bảo Minh Kiên Giang
5. Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc
6. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang
7. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Kiên Giang
8. Công ty CP Phát triển đô thị Kiên Giang
9. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên

### **XIV. KHỐI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN**

#### **ĐỊA BÀN**

#### **Khối 17, có 08 đơn vị:**

1. Hải quan Kiên Giang
2. Cảng vụ Kiên Giang
3. Cục Thi hành án dân sự
4. Cục Thống kê
5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Kiên Giang
6. Cục thuế Kiên Giang
7. Kho bạc Nhà nước Kiên Giang
8. Bảo hiểm Xã hội Kiên Giang

### **XV. KHỐI KINH TẾ TẬP THỂ:**

Giao Chủ tịch Hội đồng TĐKT Liên Minh Hợp tác xã Tỉnh Kiên Giang theo dõi, chỉ đạo các khối thi đua Quỹ tín dụng nhân dân, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể các khối thi đua trên theo quy định của UBND tỉnh: Khối các Quỹ tín dụng nhân dân có 22 đơn vị chia thành 2 khối thi đua.

### **XVI. KHỐI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢN LÝ:**

Giao Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Giáo dục và Đào tạo chia các khối thi đua, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các khối thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý, có 6 khối gồm:

1. Cấp THPT, có 51 đơn vị được chia làm 4 khối;
2. Các trường phổ thông dân tộc nội trú, có 5 đơn vị thành 01 khối;
3. Khối Trung tâm GDTX, có 15 đơn vị thành 01 khối.

### **XVII. KHỐI CÁC BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM Y TẾ DO SỞ Y TẾ QUẢN LÝ:**

Giao Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Y tế chia các khối thi đua, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các khối trực thuộc ngành Y tế, có 4 khối gồm:

1. Khối các Bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện loại II trực thuộc Sở Y tế, có 6 đơn vị thành 01 khối;

2. Khối các bệnh viện loại III, có 07 đơn vị thành 01 khối.

3. Khối các Trung tâm y tế huyện, có 15 đơn vị thành 01 khối;

4. Khối các Trung tâm y tế tuyến tỉnh, có 09 đơn vị thành 01 khối.

### **XVIII. CỤM HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ:**

**Cụm 1.** Có 05 huyện:

1. Huyện Gò Quao;

2. Huyện An Minh;

3. Huyện An Biên;

4. Huyện Vĩnh Thuận;

5. Huyện U Minh Thượng.

**Cụm 2.** Có 05 huyện, thành phố:

1. Huyện Giồng Riềng;

2. Huyện Châu Thành;

3. Huyện Tân Hiệp;

4. Huyện Hòn Đất;

5. Thành phố Rạch Giá.

**Cụm 3.** Có 05 huyện, thị xã:

1. Huyện Kiên Hải;

2. Huyện Giang Thành;

3. Thị xã Hà Tiên;

4. Huyện Phú Quốc;

5. Huyện Kiên Lương.

### **XIX. CỤM THI ĐUA CẤP XÃ VÀ KHỐI THI ĐUA CÁC TRƯỜNG DO UBND CẤP HUYỆN QUẢN LÝ:**

**1. Giao Chủ tịch Hội đồng TĐKT các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chia cụm thi đua các xã, phường, thị trấn trực thuộc, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể và theo dõi, chỉ đạo các cụm thi đua trên theo qui định của UBND tỉnh:**

1.1. Cụm thi đua các xã, phường thuộc thành phố Rạch Giá. Có 12 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.2. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Tân Hiệp. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.3. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng. Có 19 đơn vị được chia thành 02 cụm thi đua.

1.4. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành. Có 10 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.5. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Gò Quao. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.6. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện An Biên. Có 09 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.7. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện An Minh. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.8. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Thuận. Có 08 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.9. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện U Minh Thượng. Có 06 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.10. Cụm thi đua các xã, phường thuộc thị xã Hà Tiên. Có 07 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.11. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Giang Thành. Có 05 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.12. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Kiên Lương. Có 08 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.13. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất. Có 14 đơn vị được chia thành 02 cụm thi đua.

1.14. Cụm thi đua các xã thuộc huyện Kiên Hải. Có 04 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

1.15. Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Phú Quốc. Có 10 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

**2. Giao Chủ tịch Hội đồng TĐKT các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chia khối thi đua các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể và theo dõi, chỉ đạo các khối thi đua trên theo qui định của UBND tỉnh:**

2.1. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc thành phố Rạch Giá. Có 52 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.2. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Tân Hiệp. Có 57 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.3. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Giồng Riềng. Có 69 đơn vị được chia thành 05 khối thi đua.

2.4. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Châu Thành. Có 47 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.5. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Gò Quao. Có 45 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.6. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện An Biên. Có 42 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.7. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện An Minh. Có 48 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.8. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Vĩnh Thuận. Có 33 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua.

2.9. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện U Minh Thượng. Có 33 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua.

2.10. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc thị xã Hà Tiên. Có 18 đơn vị được chia thành 02 khối thi đua.



2.11. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Giang Thành. Có 15 đơn vị được chia thành 02 khối thi đua.

2.12. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Kiên Lương. Có 24 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua.

2.13. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Hòn Đất. Có 59 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua.

2.14. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Kiên Hải. Có 08 đơn vị được chia thành 01 khối thi đua.

2.15. Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Phú Quốc. Có 27 đơn vị được chia thành 02 khối thi đua./.

